

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2016/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 623/TTr-SXD ngày 07/4/2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 41/BC-STP ngày 01/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), cụm công nghiệp, cụm làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định tại Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Thành phần hệ thống thoát nước

1. Công cấp 1: Bao gồm hệ thống cống bao, rãnh dọc, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng.

2. Công cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống công cấp 1.

3. Công cấp 3: Bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ thoát nước hoặc nước bề mặt tới hệ thống công cấp 1 và cấp 2.

4. Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

a) Hố đầu nối (là các điểm đầu tiên của hệ thống thoát nước thải, đầu nối với các hộ thoát nước, tiếp nhận nước mưa, nước thải của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước), hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lề đường, cửa tràn tách nước.

b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; công liên quan đến trạm bơm;

- c) Hồ điều hoà và kênh mương;
- d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
- đ) Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;
- e) Công trình xử lý bùn cặn.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ. Trong trường hợp còn hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư phù hợp theo thứ tự ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn cặn.

2. Hệ thống thoát nước sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị có chức năng hành nghề, có năng lực, kinh nghiệm theo quy định để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng.

3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) phải trả tiền dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định có tính đến đối tượng, loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước và khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước.

5. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải:

a) Kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định.

b) Phù hợp với Định hướng thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề và bệnh viện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/12/2015.

2. Đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi, y tế...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực.

3. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng mới.

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; hoặc nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân đầu tư theo hình thức đối tác công tư công trình hệ thống thoát nước có thời hạn. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị và cụm công nghiệp, cụm làng nghề trên địa bàn huyện trừ các hệ thống thoát nước được quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này;

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn các khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và làng nghề trên địa bàn xã;

d) Các bệnh viện và trung tâm Y tế huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước của các bệnh viện, trung tâm Y tế huyện.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm làng nghề là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước

1. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện theo kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được phê duyệt. Kế hoạch thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước, định hướng phát triển hệ thống thoát nước đã được phê duyệt.

2. Lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ: Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương;

3. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ mạng lưới công cấp 1, cấp 2, cấp 3; đầu nối hệ thoát nước, đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường.

4. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT. Mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 7. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

1. Hiệu quả xử lý của công nghệ: Đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận. Ưu tiên lựa chọn mô hình xử lý nước thải phân tán, hoặc mô hình kết hợp giữa xử lý nước thải tập trung và phân tán, hạn chế tối đa các trạm bơm nước thải;

2. Tiết kiệm đất xây dựng;

3. Chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng duy tu thấp nhất, phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương;
4. Tránh phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ nhập khẩu độc quyền;
5. Phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận;
6. An toàn và thân thiện với môi trường;
7. Có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai;
8. Đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu;
9. Mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn;
10. Tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

Điều 8. Bàn giao công trình hệ thống thoát nước cho Chủ sở hữu để quản lý vận hành và khai thác

Ngay sau khi công trình được nghiệm thu, đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành, chủ đầu tư công trình hệ thống thoát nước phải bàn giao cho chủ sở hữu để quản lý vận hành và khai thác. Việc bàn giao công trình xây dựng phải được lập thành biên bản.

Khi bàn giao công trình, chủ đầu tư phải giao cho chủ sở hữu các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết khác có liên quan.

Trường hợp chậm trễ bàn giao, công trình xuống cấp không đảm bảo thoát nước, chủ đầu tư phải tiến hành sửa chữa, nạo vét đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước khi bàn giao.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 9. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Đơn vị thoát nước được lựa chọn phải có đủ nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật chuyên ngành cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

Điều 10. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước). Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

2. Hệ thống thoát nước sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị thoát nước để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hình thức hợp đồng trọn gói giữa chủ sở hữu với đơn vị thoát nước.

3. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm. Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 năm thì các bên tham gia hợp đồng phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành và đi đến ký kết.

4. Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh hàng năm, trên cơ sở khối lượng công việc (tổng chiều dài cống, hố ga, kênh mương,..) và đơn giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện, ... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng hàng năm. Trước tháng 12 hàng năm, hai bên ký kết hợp đồng tiến hành xác định khối lượng công việc, áp giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện, ... để tính giá trị của hợp đồng, trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng cho năm tiếp theo.

5. Tùy thuộc vào năng lực, một đơn vị thoát nước có thể ký nhiều hợp đồng quản lý vận hành duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước với nhiều chủ sở hữu khác nhau.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải;

b) Quyền giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký;

c) Không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước;

d) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng: không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước;

đ) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước, đánh giá hiện trạng, định giá giá trị còn lại của tài sản.

b) Chủ sở hữu có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền thoả thuận các nội dung và giá trị hợp đồng của hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

c) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước;

d) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng;

đ) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành;

e) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Được ngừng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 24 của Quy định này;

b) Được bồi thường thiệt hại do hộ thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình đấu nối và báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước để được sự chỉ đạo kịp thời;

b) Tuân thủ các quy trình, quy định về vận hành hệ thống thoát nước;

c) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước;

d) Phối hợp với chủ sở hữu lập chi phí dịch vụ thoát nước, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt;

đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu giá dịch vụ thoát nước theo quy định;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Cung cấp thông tin cho các đối tượng khi có yêu cầu;

h) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định;

i) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định;

k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho hộ thoát nước theo quy định của pháp luật;

l) Các nghĩa vụ khác theo định của pháp luật.

3. Đơn vị thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Thông báo đến hộ thoát nước được biết để thực hiện đấu nối ngay khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các điểm đấu nối trên tuyến thu gom nước thải;

b) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đấu nối (nếu hộ thoát nước yêu cầu);

c) Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết;

d) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đấu nối nước thải;

e) Hàng năm có kế hoạch thiết lập và xây dựng các điểm đấu nối mới để phục vụ cho nhu cầu đấu nối của các hộ thoát nước trong phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước;

g) Có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước hoặc phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Hộ thoát nước có các quyền sau:

a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hộ thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

b) Xả nước vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

d) Đấu nối hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước; duy tu, bảo dưỡng công trình xử lý sơ bộ và đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ đến điểm đấu nối theo đúng quy định của hợp đồng dịch vụ thoát nước;

đ) Bồi thường khi gây ra thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Lập hồ sơ thiết kế đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối;

b) Khi lập hồ sơ thiết kế xin phép xây dựng, phải thiết kế đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối;

c) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

d) Thông báo thời điểm thi công đấu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đấu nối đúng quy định;

đ) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Chương IV

ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 14. Đối tượng đấu nối

Tất cả các hộ thoát nước nằm trong khu vực có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước; trừ các trường hợp miễn trừ đấu nối được quy định tại Điều 21 của Quy định này.

Điều 15. Quy định về điểm đấu nối và đầu tư xây dựng đấu nối

1. Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Tại điểm đấu nối, chủ sở hữu hệ thống thoát nước xây dựng hộp đấu nối. Vị trí hộp đấu nối được đặt trên phần đất công, dọc theo tuyến cống thoát nước. Cao độ và các yêu cầu kỹ thuật của hộp đấu nối do đơn vị thoát nước quy định.

2. Các dự án đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước phải đầu tư xây dựng hộp đấu nối để thực hiện đấu nối thoát nước từ hộ thoát nước vào mạng lưới thoát nước chung.

3. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến cống thu gom để vận chuyển nước thải từ các điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối. Các hộ thoát nước lân cận trên cùng tuyến thu gom được phép đầu tư xây dựng chung một tuyến cống thu gom vận chuyển nước thải, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về đấu nối và được đơn vị thoát nước chấp thuận.

4. Việc thi công tại điểm đấu nối phải do đơn vị thoát nước thực hiện. Trường hợp hộ thoát nước tự tổ chức thi công thì phải được đơn vị thoát nước giám sát nhằm đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật. Sau khi đấu nối hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu thi công đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

Điều 16. Thời điểm đấu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối phải thực hiện đấu nối khi nhận được thông báo của đơn vị thoát nước. Việc đấu nối thực hiện đảm bảo phù hợp quy định này.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Quy định này có hiệu lực hộ thoát nước phải thực hiện điều chỉnh lại đấu nối đảm bảo phù hợp quy định này.

Điều 17. Yêu cầu về kỹ thuật đấu nối

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối phải có đường kính lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc tối thiểu 2% để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

3. Ống thoát nước được sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định và có độ bền cao. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa PVC, uPVC hoặc HDPE.

Điều 18. Trình tự, thủ tục thực hiện đấu nối

1. Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo Kế hoạch đấu nối nước thải đến các hộ thoát nước theo từng khu vực, cụm dân cư hoặc các hộ thoát nước có nhu cầu đấu nối đăng ký tại đơn vị thoát nước.

2. Bước 2: Đơn vị thoát nước khảo sát, thiết kế và lập dự toán đấu nối. Trường hợp hộ thoát nước tự thiết kế đấu nối thì hồ sơ thiết kế đấu nối phải đúng quy định, yêu cầu và được đơn vị thoát nước chấp thuận. Thời gian khảo sát, thiết kế và lập dự toán hoặc chấp thuận thiết kế đấu nối của đơn vị thoát nước không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của hộ thoát nước.

3. Bước 3: Đơn vị thoát nước ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước (Thời gian ký hợp đồng tối đa là 15 ngày).

4. Bước 4: Hộ thoát nước có thể thuê đơn vị thoát nước thi công hoặc tự tổ chức thi công đấu nối.

5. Bước 5: Lập biên bản nghiệm thu thi công đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

Điều 19. Chi phí đấu nối và chính sách hỗ trợ

1. Chi phí đấu nối gồm các chi phí: đường ống, phụ kiện, lắp đặt và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối.

2. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Đối tượng 1: Là gia đình Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, người hoạt động cách mạng trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Đối tượng 2: Là những hộ thoát nước có người đang sinh sống, có hộ khẩu thường trú thuộc hộ thoát nước và có tên trong danh sách người có công với cách mạng (trừ đối tượng 1) được Ủy ban nhân dân cấp xã (phường, thị trấn) xác nhận.

c) Đối tượng 3: Là những hộ thoát nước thuộc diện hộ gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo tại thời điểm thực hiện đấu nối.

d) Đối tượng 4: Là những hộ thoát nước chấp hành và thực hiện đấu nối ngay khi được yêu cầu đấu nối.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 1.

b) Hỗ trợ 50% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3.

c) Hỗ trợ 30% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 4.

3. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước, từ nguồn vốn của chủ sở hữu hoặc từ các nguồn hợp pháp khác.

4. Các hộ thoát nước không thuộc đối tượng tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm chi trả 100% chi phí để thực hiện đấu nối.

Điều 20. Trình tự thực hiện hỗ trợ và thu hồi hỗ trợ đấu nối

1. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

a) Bước 1: UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức rà soát lập danh sách đối tượng được hỗ trợ và lập dự toán kinh phí hỗ trợ đấu nối cho từng đối tượng gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đấu nối, UBND cấp huyện phải tổ chức bàn giao toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho từng đối tượng theo danh sách được duyệt. Thủ tục bàn giao hỗ trợ do UBND cấp huyện tự quy định.

2. Thu hồi hỗ trợ

Sau 90 ngày kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ đấu nối, nếu hộ thoát nước chưa hoàn thành việc đấu nối theo quy định, đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện để xem xét thu hồi kinh phí hỗ trợ.

Điều 21. Miễn trừ đấu nối

Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Các hộ thoát nước có các công trình xử lý nước thải tập trung, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận mà việc đấu nối vào hệ thống thoát nước có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước và chủ sở hữu hệ thống thoát nước;

2. Tại địa bàn chưa được đầu tư xây dựng hộp đấu nối, mạng lưới đường cống thoát nước.

Chương V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 22. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

1. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước gồm: chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ.

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Điều 23. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 24. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ thoát nước là hộ gia đình:

Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát

nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước;

b) Vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày (kể từ khi sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 25. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Chương VI

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 26. Phân cấp quản lý, trách nhiệm quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng

a) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các hoạt động thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh (trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

đ) Chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng cho các đối tượng có liên quan đến dịch vụ này tại địa phương.

h) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị theo quy định.

i) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

d) Là đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh quyết định.

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân quyền đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

d) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định.

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì và phối hợp với các cơ đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và trung tâm Y tế huyện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

8. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước theo quy định.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải.

b) Tham gia thẩm định phần công nghệ của các dự án xử lý nước thải.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công, vận hành công nghệ xử lý nước thải của các dự án.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

b) Tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo Điều 11 của quy định này.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp.

g) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp.

h) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức lập quy hoạch, ban hành quy chế quản lý, đầu tư xây dựng Hệ thống thoát nước.

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị thoát nước được lựa chọn.

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

d) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

đ) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước tại các làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

d) Xác nhận số nhân khẩu thực tế thường trú đối với hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung để tính giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

đ) Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

13. Các bệnh viện và trung tâm Y tế huyện

a) Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước tại các làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh; các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải thực hiện đúng quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng